Aesthetic

Mỹ học

HA140281 - Lê Trung Hiếu
HA140163 - Ngô Mạnh Long

Lớp: GD1402
Giảng viên: Nguyễn Hoàng Yến

Cái đẹp là gì?

Một sự vật tác động lên bộ não con người, gợi nên sự hấp dẫn, làm con người cảm thấy thích thú khi cảm nhận được qua các giác quan

Quan niệm về cái đẹp qua các thời kì

- Tư tưởng mĩ học xuất hiện từ thời cổ đại (Pythagore, Héraclite, Socrate, Platon, Aristote,...)
- Đến giai đoạn Marx - Lenin, mĩ học trở thành 1 khoa học hình thành muộn
- Thuật ngữ “Mĩ học” bắt nguồn từ “aisthetikos” (Giác quan, cảm giác, tình cảm)

2 quan niệm về mĩ học phổ biến trong lịch sử:

- Khoa học nghiên cứu cái đẹp
- Triết học về nghệ thuật

Mĩ học hướng về nghiên cứu về các vấn đề

Các lĩnh vực đa dạng của sự sáng tạo thẩm mĩ của con người

Các thị hiếu thẩm mĩ và quan điểm thẩm mĩ khác nhau

Các phẩm chất thẩm mĩ của thực tại, nghiên cứu các phạm trù mĩ học cơ bản (Cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài)

Việc giáo dục thẩm mĩ phát triển ở con người các năng lực thẩm mĩ, cảm nhận cái đẹp và sáng tạo theo quy luật cái đẹp

Các quy luật phổ quát của nghệ thuật, hình thái biểu hiện đầy đủ nhất quan niệm thẩm mĩ của con người với thực tại

Bản chất của các trào lưu, trường phái, khuynh hướng nghệ thuật

Đời sống lịch sử của nghệ thuật dựa trên sự phân tích về xã hội, lịch sử, tâm lí học

Quan niệm về cái đẹp qua các thời kì

2 quan niệm về mĩ học phổ biến trong lịch sử:

- Khoa học nghiên cứu cái đẹp
- Triết học về nghệ thuật

- Thuật ngữ được sử dụng rộng rãi, nhưng mỗi người một quan niệm khác nhau:

Baumgarten: Mĩ học là khoa học về cái đẹp, giới hạn lĩnh vực cái đẹp là hướng tới tự nhiên, loại trừ nghệ thuật và các quy luật

Kant: Đối tượng của mĩ học là lĩnh vực "thị hiếu thẩm mĩ" hoặc "sự phán đoán về thị hiếu thẩm mĩ", cái đẹp mang lại khoái cảm và thỏa mãn những đòi hỏi tinh thần có tính chất chủ quan của con người, phủ nhận tính khách quan của các quy luật thẩm mĩ, cái đẹp là cái làm cho ta vui thích mà không phải thông qua một khái niệm nào cả

Hegel: Khẳng định đối tượng của mĩ học là cái đẹp, chủ yếu được nhìn nhận bởi nghệ thuật, xem thường cái đẹp trong cuộc sống, khẳng định cái đẹp trong nghệ thuật cao hơn cái đẹp trong tự nhiên, được nhiều nhà mĩ học hiện đại hưởng ứng

Các nhà Dân chủ cách mạng Nga thế kỉ XIX: Khẳng định đối tượng của mĩ học là "quan hệ thẩm mĩ của con người với hiện thực", thừa nhận cái đẹp là đối tượng đáng chú ý

Baumgarten

Mĩ học là khoa học về cái đẹp, giới hạn lĩnh vực cái đẹp là hướng tới tự nhiên, loại trừ nghệ thuật và các quy luật

Immanuel Kant

Đối tượng của mĩ học là lĩnh vực “thị hiếu thẩm mĩ” hoặc “sự phán đoán về thị hiếu thẩm mĩ”, cái đẹp mang lại khoái cảm và thỏa mãn những đòi hỏi tinh thần có tính chất chủ quan của con người, phủ nhận tính khách quan của các quy luật thẩm mĩ, cái đẹp là cái làm cho ta vui thích mà không phải thông qua một khái niệm nào cả.

Hegel

Khẳng định đối tượng của mĩ học là cái đẹp, chủ yếu được nhìn nhận bởi nghệ thuật, xem thường cái đẹp trong cuộc sống, khẳng định cái đẹp trong nghệ thuật cao hơn cái đẹp trong tự nhiên, được nhiều nhà mĩ học hiện đại hưởng ứng

Các nhà Dân chủ Cách mạng Nga thế kỉ XIX

Khẳng định đối tượng của mĩ học là “quan hệ thẩm mĩ của con người với hiện thực”, thừa nhận cái đẹp là đối tượng đáng chú ý

Chương I

Đối tượng nghiên cứu của mĩ học

Khái niệm Mỹ học

Mỹ học là bộ môn khoa học có tính lý thuyết về sự nhận thức và thưởng thức cái đẹp trong thiên nhiên, trong nghệ thuật và trong xã hội.

Mỹ học là khoa học nghiên cứu cái đẹp, là triết học về nghệ thuật.

Mỹ học trở thành khoa học độc lập khi có đối tượng nghiên cứu về mỹ học.

Đối tượng nghiên cứu

1

Quá trình xác định

- Tư tưởng mĩ học xuất hiện từ thời cổ đại (Pythagore, Héraclite, Socrate, Platon, Aristote,...)
- Đến giai đoạn Marx - Lenin, mĩ học trở thành 1 khoa học hình thành muộn
- Thuật ngữ “Mĩ học” bắt nguồn từ “aisthetikos” (Giác quan, cảm giác, tình cảm)

1

Quá trình xác định

- Thuật ngữ được sử dụng rộng rãi, nhưng mỗi người một quan niệm khác nhau:

Baumgarten: Mĩ học là khoa học về cái đẹp, giới hạn lĩnh vực cái đẹp là hướng tới tự nhiên, loại trừ nghệ thuật và các quy luật

Kant: Đối tượng của mĩ học là lĩnh vực "thị hiếu thẩm mĩ" hoặc "sự phán đoán về thị hiếu thẩm mĩ", cái đẹp mang lại khoái cảm và thỏa mãn những đòi hỏi tinh thần có tính chất chủ quan của con người, phủ nhận tính khách quan của các quy luật thẩm mĩ, cái đẹp là cái làm cho ta vui thích mà không phải thông qua một khái niệm nào cả

Hegel: Khẳng định đối tượng của mĩ học là cái đẹp, chủ yếu được nhìn nhận bởi nghệ thuật, xem thường cái đẹp trong cuộc sống, khẳng định cái đẹp trong nghệ thuật cao hơn cái đẹp trong tự nhiên, được nhiều nhà mĩ học hiện đại hưởng ứng

Các nhà Dân chủ cách mạng Nga thế kỉ XIX: Khẳng định đối tượng của mĩ học là "quan hệ thẩm mĩ của con người với hiện thực", thừa nhận cái đẹp là đối tượng đáng chú ý

2

Kết luận về đối tượng nghiên cứu:

Các lĩnh vực đa dạng của sự sáng tạo thẩm mĩ của con người

Các thị hiếu thẩm mĩ và quan điểm thẩm mĩ khác nhau

Các phẩm chất thẩm mĩ của thực tại, nghiên cứu các phạm trù mĩ học cơ bản (Cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài)

Việc giáo dục thẩm mĩ phát triển ở con người các năng lực thẩm mĩ, cảm nhận cái đẹp và sáng tạo theo quy luật cái đẹp

Các quy luật phổ quát của nghệ thuật, hình thái biểu hiện đầy đủ nhất quan niệm thẩm mĩ của con người với thực tại

Bản chất của các trào lưu, trường phái, khuynh hướng nghệ thuật

Đời sống lịch sử của nghệ thuật dựa trên sự phân tích về xã hội, lịch sử, tâm lí học

Cái đẹp qua từng thời kì

Tiền sử

Cổ đại

(600-300 TCN)

Trung Đại

Phục Hưng

Khai Sáng

1

Tiền sử

- Cái đẹp là cái dễ hiểu, dễ hình dung, mang tính biểu tượng

2

Cổ đại

Hy Lạp

Heraclite

Aristole

Plato

Socrates

Phương Đông

Phật giáo

Khổng Tử

Lão Tử

Trang Tử

Heraclite

"Lừa thích rơm hơn vàng"

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng

Cái đẹp có tính tương đối

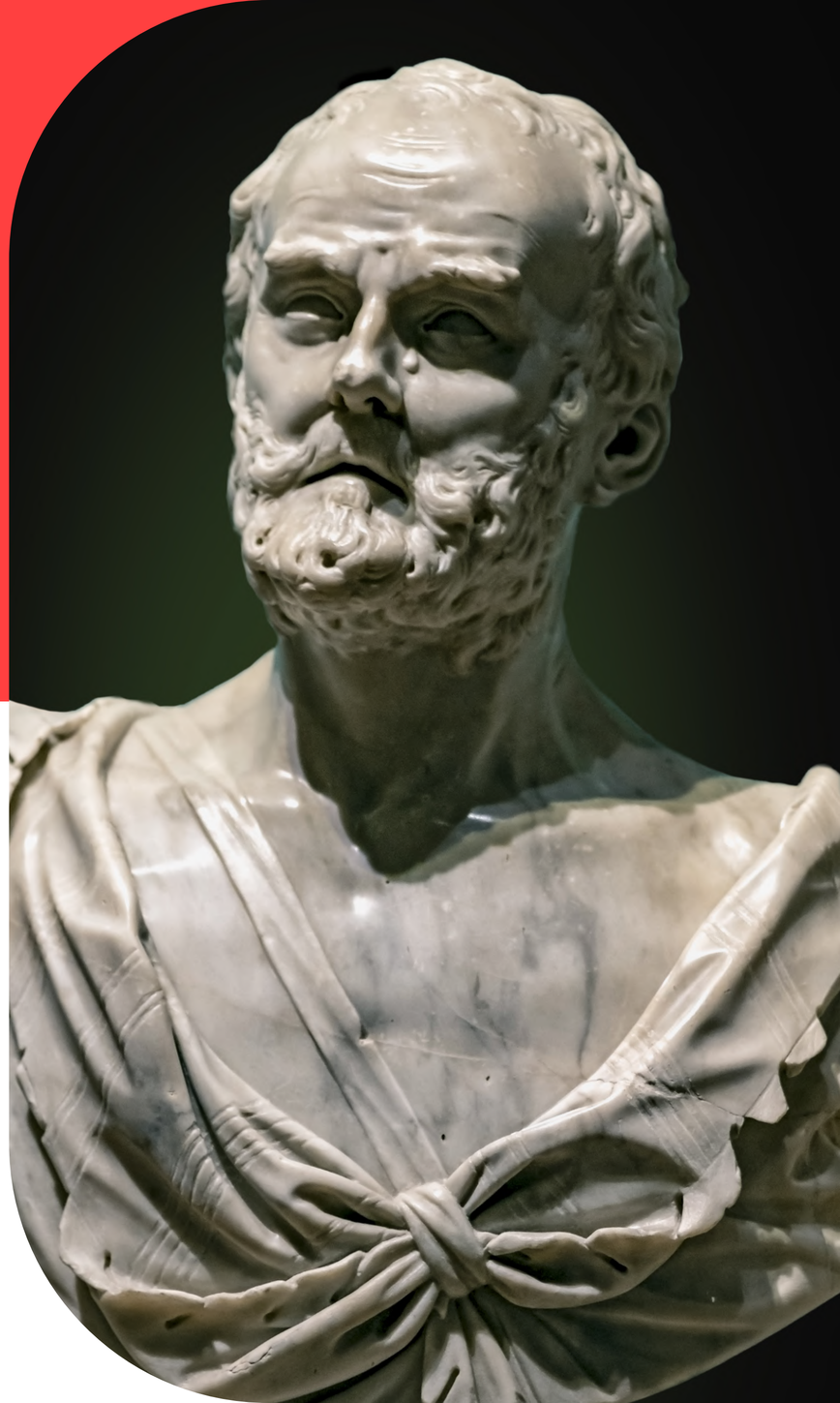

Plato

Theo chủ nghĩa duy tâm

Học thuyết ý niệm

"Ý niệm có trước, học thức có sau, thượng đế tạo ra tất cả"

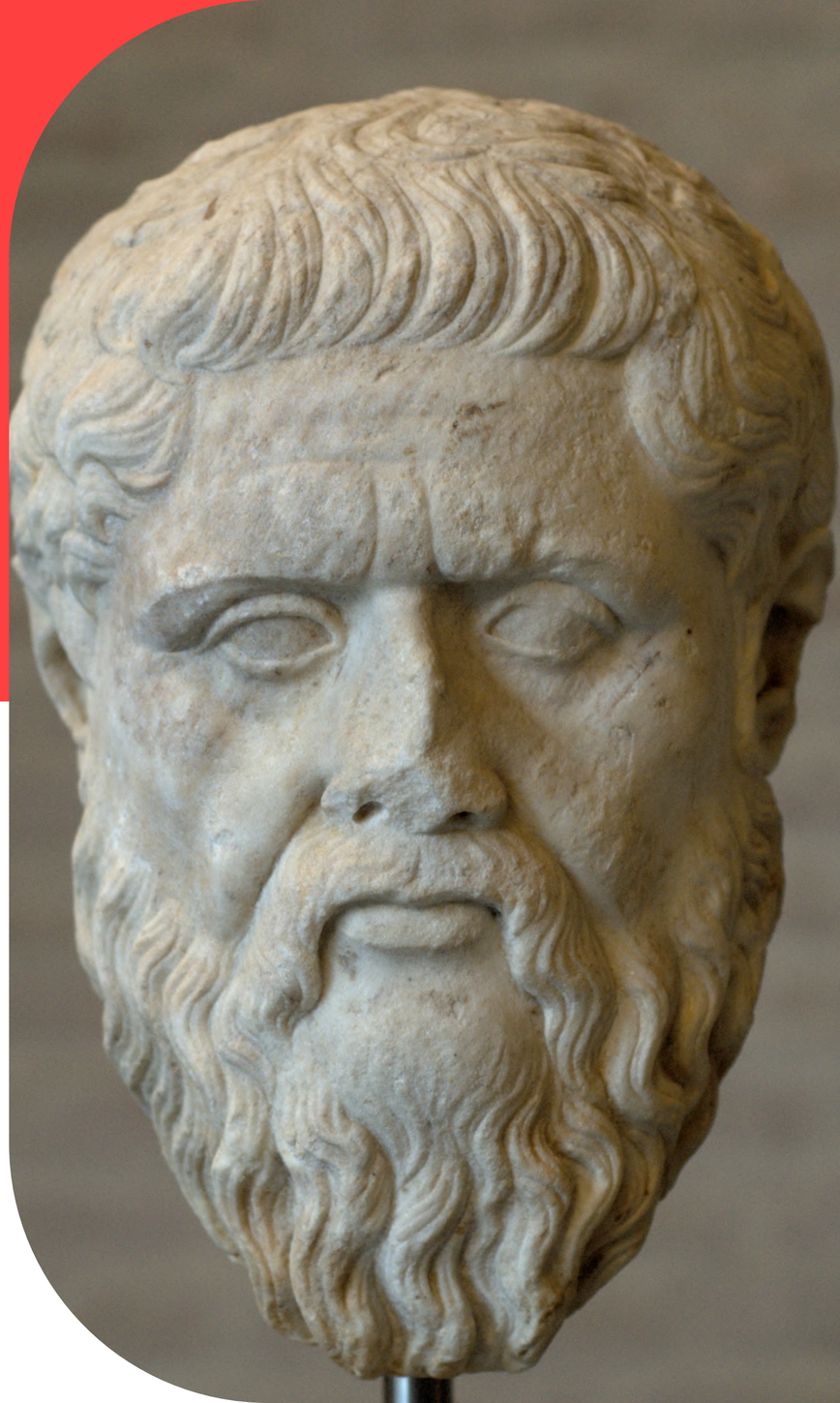

Aristotle

Học trò của Plato

Theo chủ nghĩa duy vật

“Thầy đã quý, chân lí còn quý hơn thầy”

Cho rằng Thượng Đế không có thật

Cái đẹp phải đảm bảo 3 tính chất: Hài hòa, trật tự, cân xứng

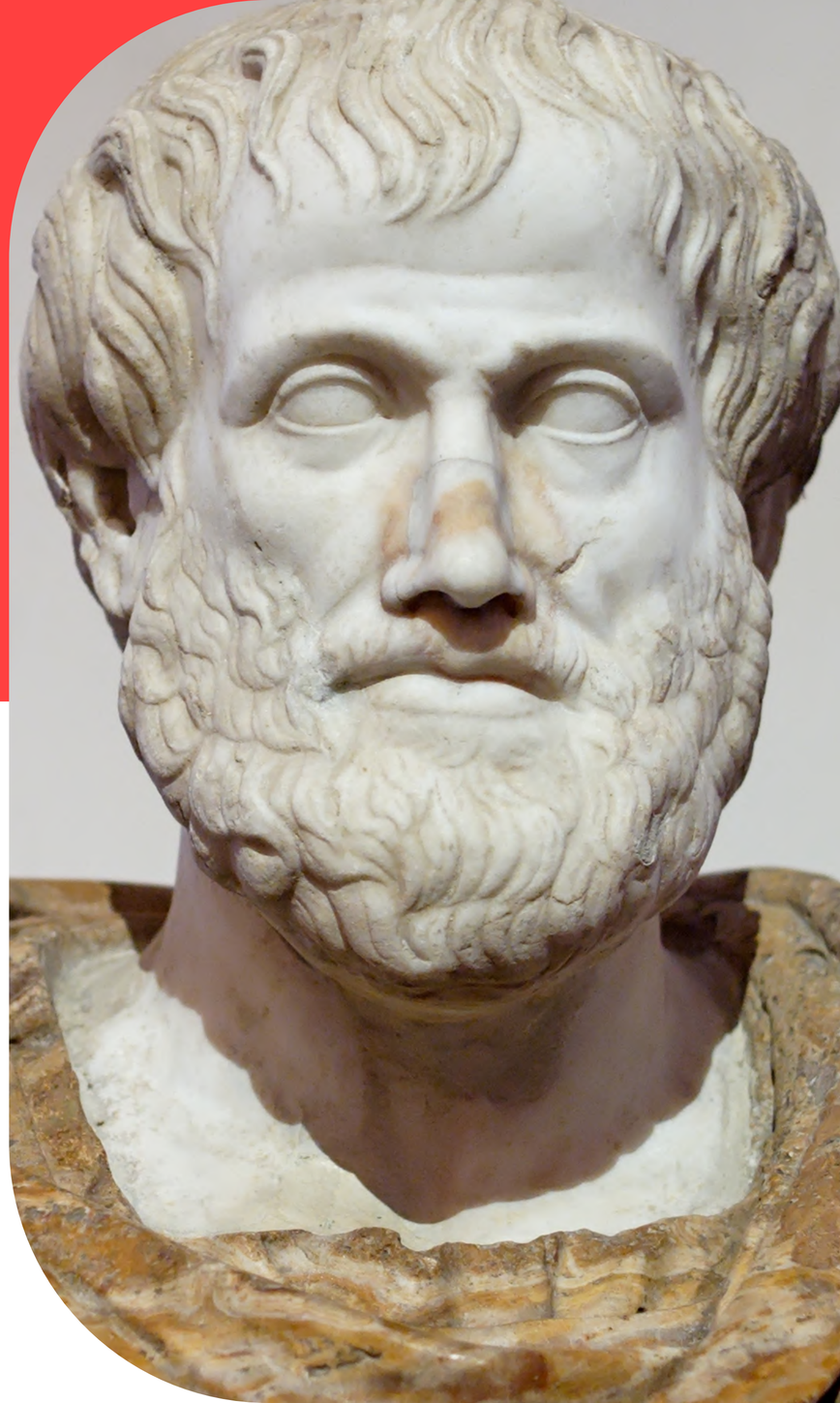

Socrates

Đạo đức và thẩm mĩ

"Cái đẹp là cái có ích, có mục đích"

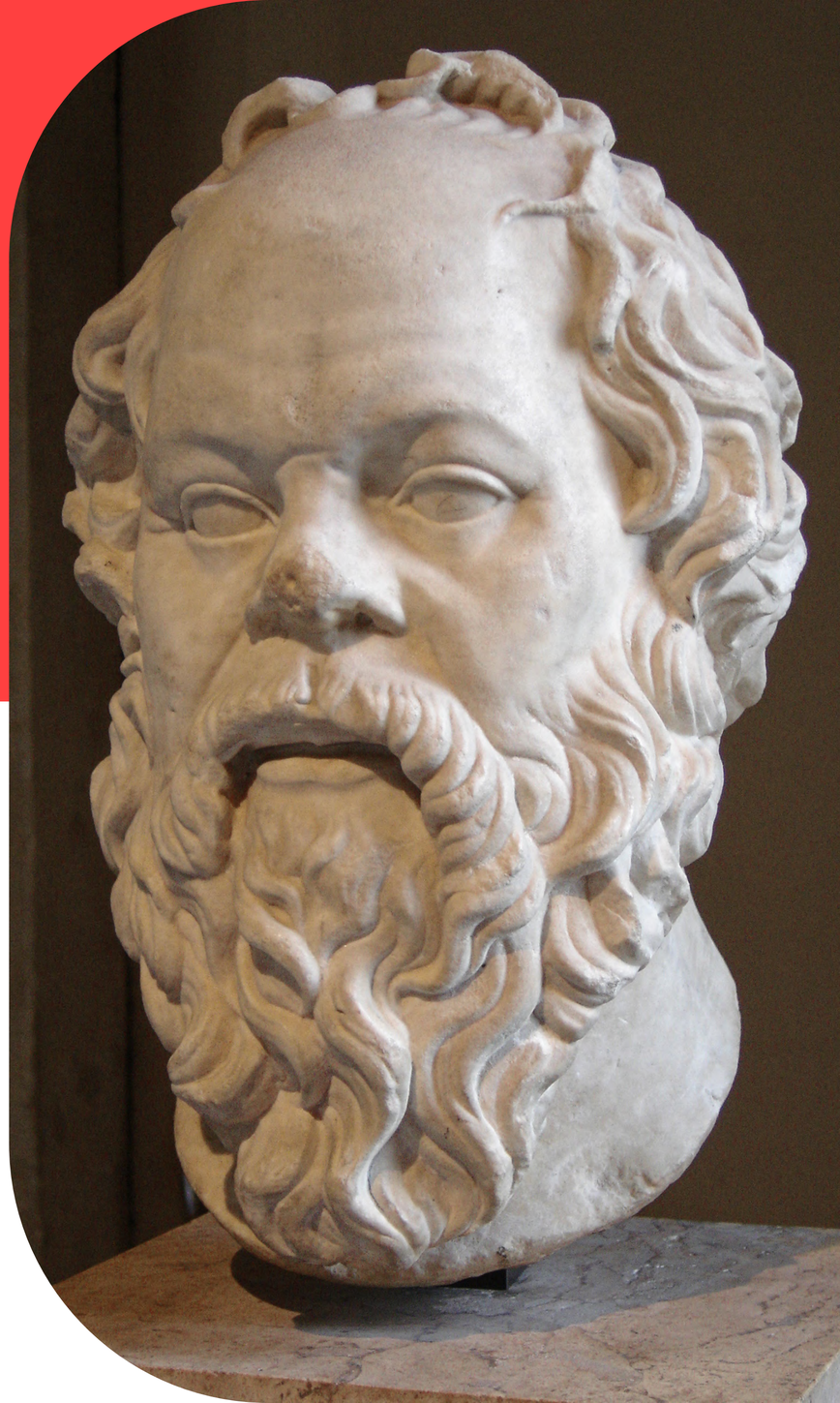

Phật giáo

Tất cả những gì gây nên đau khổ, khi chúng bị đoạn trừ là Niết-bàn, là Đẹp

Khổng Tử

Cái gì có tính chất thiện là đẹp

Thiện - Mỹ liên quan đến nhau

Lão Tử

Cái đơn giản, giản dị nhất là
cái đẹp, càng giản dị càng đẹp

Trang Tử

Cái đẹp là đạo

Thiên nhiên là cội nguồn của cái đẹp

3

Trung Đại

Hầu hết là sự nắm quyền của Kito Giáo

Nhận thức trực quan

3

Phục Hưng

Cái đẹp là sự hài hoà, đăng đối, trật tự, sự phối hợp hài hoà giữa chất lượng và số lượng, sự trong sáng, thuần khiết, mực thiết, tiến bộ, phát triển, hoàn thiện

Hướng đến Chân - Thiện - Mỹ, có chuẩn mực nhất định.

4

Khai sáng

- Kant

Gu thẩm mĩ = Thị hiếu + Phán đoán thẩm mĩ

- **Hegel**

Cái đẹp trong tự nhiên không có, chỉ có cái đẹp trong mắt nghệ sĩ

- **Các nhà nghệ thuật dân chủ Nga:**

Cái đẹp là tự nhiên, tự nhiên vốn đã đẹp, nhận thức được hay không là do khả năng

Chương II

Khái quát về mối quan hệ thẩm mĩ

Khái niệm quan hệ thẩm mỹ

Là đối tượng nghiên cứu của mĩ học, là quan hệ giữa chủ thể và khách thể thẩm mĩ, một trong những mối quan hệ đa dạng của con người với hiện thực đời sống, là sản phẩm của quá trình đồng hoá thế giới qua thực tiễn xã hội của con người.

Quan hệ thẩm mĩ của con người với hiện thực được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống. Trong đó, hình thức biểu hiện cao nhất và tập trung nhất của mối quan hệ này là nghệ thuật.

Các bộ phận hợp thành, bản chất, đặc trưng, nghệ thuật

Nguồn gốc

Theo các nhà mĩ học duy vật: Phụ thuộc khách thể thẩm mĩ.

Theo các nhà mĩ học duy tâm: Chính là chủ thể thẩm mĩ hoặc Thượng Đế.

Cũng như các hình thái khác của sự đồng hóa thế giới về mặt tinh thần, quan hệ thẩm mĩ với hiện thực là một hình thái quan hệ của con người với thế giới có nguồn gốc từ thực tiễn, nảy sinh do nhu cầu tất yếu của thực tiễn cải tạo tự nhiên và xã hội của con người.

Bản chất quan hệ thẩm mĩ.

Các tính chất

1

Tình cảm

(tính chất mang
xu thế đặc biệt)

- Yếu tố nổi bật trong quan hệ thẩm mĩ của mỗi con người, tạo ra ưu thế đặc biệt.
- Xuất phát từ các hiện tượng thẩm mỹ khách quan của hiện thực hoặc sự thúc đẩy của những tình cảm thẩm mỹ.
- Lí trí cũng một phần bổ trợ, soi sáng cho yếu tố cảm xúc trong quan hệ thể mỹ.
- Gắn liền nhưng đồng thời tạo sự độc lập tương đối trong tổng thể các mối quan hệ con người.

2

Cảm tính

(tính chất mang xu thế đặc thù)

- Các khách thể của mối quan hệ này là những sự vật hiện tượng toàn vẹn, cụ thể có khả năng tác động vào các giác quan của con người trực tiếp hoặc gián tiếp, tạo nên sự rung động, khoái cảm trong thẩm mĩ.
- Hai giác quan dễ bị tác động nhất: mắt và tai - vì sự lĩnh hội đầy đủ mà không cần tương tác, tạo sự thụ cảm, dẫn đến sự hứng thú nhưng không kích thích do không tác động trực tiếp.
- Cảm xúc thẩm mỹ hay thụ cảm thẩm mỹ không chỉ từ cảm tính, mà còn có thể được liên kết với lí trí hoặc các liên tưởng khác nhau.

3

Xã hội

(tính chất mang xu thế tất yếu)

- Là một hình thái của sự đồng hoá thế giới về mặt tinh thần của con người, là sự chiếm lĩnh của con người về phương diện thẩm mĩ.

- Hình thành từ thực tiễn xã hội, nảy sinh chỉ trong xã hội con người và đều được lịch sử quy định, mang tính chất xã hội, hoặc cũng cón thể được coi là một quan hệ tiêu biểu thể hiện bản chất của con người xã hội, khả năng tự hoàn thiện mình của con người thông qua quá trình chiếm lấy thế giới hoặc thẩm mỹ hoá thế giới theo sự hoàn thiện về mặt thẩm mỹ.

3

Xã hội

(tính chất mang xu thế tất yếu)

- Con người xã hội vừa chủ thể chủ thể của sự phát triển lịch sử xã hội vừa là sản phẩm của xã hội, bị chi phối và quy định bởi các mối quan hệ khác, nhưng không thể trở thành chủ thể thẩm mĩ do chính các bản năng của con người điều khiển các hoạt động của họ.

- Ngoài sự tác động bởi điều kiện vật chất, quan hệ thẩm mỹ còn có thể bị tác động bởi các trào lưu đến từ nhiều phương diện khác nhau: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... nhằm thể hiện được dấu ấn trong thời kì đó, đồng thời thể hiện được quá trình hình thành, vận động của các mối quan hệ tinh thần, hoặc một phần của mối quan hệ xã hội nói chung là của con người.

4

Tinh thần

(tính chất mang
xu thế nổi bật)

- **Khác biệt với tính bản năng, vu lợi vật chất trực tiếp, được biểu hiện ở cả phương diện chủ thể lẫn khách thể.**

Chương III

Chủ thể thẩm mĩ

Khái niệm chủ thể thẩm mỹ

Là con người xã hội với các hoạt động thẩm mĩ thông qua các giác quan đã được "thẩm mĩ hóa" của nó.

Quá trình hình thành và phát triển gắn liền với thực tiễn xã hội của con người.

Bộ phận, đặc trưng

Các tính chất

1

Nhóm chủ thể thưởng thức thẩm mĩ

- **Đặc trưng là sự phản ánh thục cảm các quá trình thẩm mĩ xảy ra trong cuộc sống và nghệ thuật.**

2

Nhóm chủ thể sáng tạo thẩm mĩ

- **Đặc trưng là không chỉ biết thưởng thức các giá trị thẩm mĩ mà còn có khả năng sáng tạo ra các giá trị thẩm mĩ mới trên cơ sở các kinh nghiệm thẩm mĩ đã tích lũy được theo ý đồ chủ quan, bằng cách vật chất hóa các xúc cảm thẩm mĩ thông qua các phương tiện biểu đạt.**

3

Nhóm chủ thể định hướng thẩm mĩ

- **Thông qua việc đánh giá các sản ohaamr của chủ thể sáng tạo, chỉ ra một cách chính xác các giá trị và phản giá trị, nhằm hướng dẫn người cảm thụ, đồng thời góp ý cho chủ thể sáng tạo. Phải có tầm nhìn rộng, hiểu biết sâu sắc.**

4

Nhóm chủ thể biểu hiện thẩm mĩ

- **Thực hiện việc truyền đạt sản phẩm của chủ thể sáng tạo thẩm mĩ chi chủ thể thưởng thức (Diễn viên, nghệ sĩ).**

5

Nhóm chủ thể thẩm mĩ tổng hợp

- **Khả năng của chủ thể bao trùm lên nhiều lĩnh vực thẩm mĩ.**

Ý thức thẩm mĩ

Bản chất

- Là "hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan", là một hình thức nhận thức thế giới của con người.

  Là một hình thái ý thức xã hội không đồng nhất với các hình thái ý thức xã hội khác.

  Đặc trưng nổi bật nhất là tính chất hình tượng, tình cảm, tính chất cảm tính của nó.

  Là sự phản ánh thực tại một cách toàn vẹn, sinh động, đầy sắc thái tình cảm, nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức, đánh giá và sáng tạo hiện thực "theo quy luật của cái đẹp".

Bản chất

- Có tính chất cảm tính, vô tư, không vụ lợi vật chất trực tiếp.

  Nảy sinh trong hoạt động thẩm mĩ, là sản phẩm của quá trình hoạt động thẩm mĩ lâu dài của con người.

  Có vai trò to lớn trong hoạt động thẩm mĩ nói riêng và toàn bộ sự nghiệp cải tạo thiên nhiên và xã hội của con người nói chung.

Các thành tố cơ bản

Cảm xúc thẩm mĩ

Mĩ học là khoa học về cái đẹp, giới hạn lĩnh vực cái đẹp là hướng tới tự nhiên, loại trừ nghệ thuật và các quy luật

Thị hiếu thẩm mĩ

Là khả năng của con người trong việc tiếp nhận đánh giá một cách có phân hóa các đối tượng thẩm mĩ khác nhau của hiện thực, được biểu hiện thông qua các phát biểu, xét đoán, thái độ, tỏ ý. Biểu thị năng lực lựa chọn của con người trước cái đẹp, cái cao cả, cái xấu, cái bi, cái hài trong đời sống và nghệ thuật.

Lí tưởng thẩm mĩ

Là hình dung, ước mơ về những gì hoàn thiện nhất, tốt đẹp nhất mà con người cho rằng cần phải phấn đấu để đạt tới.

Là một bộ phận quan trọng của lí tưởng xã hội, một bộ phận hợp thành của lí tưởng xã hội nói chung, thể hiện các lợi ích xã hội của con người, gắn bó mật thiết với các lí tưởng xã hội khác gần gũi nó như chính trị, đạo đức.

Là sự phản ánh mang tính khái quát đối tượng của hiện thực theo phương thức tư duy hình tượng.

Là hình thức cao nhất của ý thức thẩm mĩ.

Chương IV

Khách thể thẩm mĩ

Khái niệm nghệ thuật

Là một phương diện hợp thành mối quan hệ thẩm mĩ của con người với thế giới hiện thực. Là sự khái quát các hiện tượng thẩm mĩ khách quan trong tự nhiên, đời sống xã hội và nghệ thuật thành các phạm trù thẩm mĩ cơ bản.

Các phạm trù thẩm mĩ là kết quả của sự khái quát và trừu tượng hóa các phẩm chất, thuộc tính thẩm mĩ của khách thể thông qua hoạt động thực tiễn mang tính chủ động của con người.

Các phạm trù thẩm mĩ

Cái đẹp

- Bản chất: Là một phạm trù thẩm mĩ dùng để chỉ một phẩm chất thẩm mĩ của sự vật khi nó phù hợp với quan niệm của con người về sự hoàn thiện và tính lí tưởng, có khả năng gợi lên ở con người một thái độ thẩm mĩ tích cực do sự tác động qua lại giữa đối tượng và chủ thể.

- Trong tự nhiên: Là những cái đẹp do tạo hóa sinh ra, tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.

- Trong xã hội: Là kết quả của hoạt động thực tiễn của con người, được biểu hiện dưới muôn hình nghìn vẻ khác nhau.

- Trong nghệ thuật: Là sự phản ánh một cách chân thực những cái đẹp của cuộc sống. Có mối quan hệ mật thiết với cái đẹp trong cuộc sống, đó là quan hệ giữa cái phản ánh và cái được phản ánh, không những không đối lập mà còn thống nhất với nhau.

Cái cao cả

- Bản chất: Là một phẩm chất thẩm mĩ khách quan của các sự vật, hiện tượng có tầm vóc lớn, sức mạnh phi thường gây nên ở con người cảm xúc ngưỡng mộ, thán phục, sảng khoái, phấn chấn khi vượt qua trạng thái choáng ngợp, bối rối ban đầu do chưa làm chủ được đối tượng. Từ đó có khả năng khơi dậy sức mạnh bản chất của con người, kích thích ở con người ý chí, khát vọng vượt qua các khó khăn, thử thách để vươn tới những đỉnh cao.
- Trong tự nhiên: Cái cao cả tồn tại trong các thuộc tính thẩm mĩ khách quan của các sự vật, hiện tượng có tầm vóc to lớn, đồ sộ, hùng vĩ, chứa đựng những sức mạnh tiềm tàng, bí ẩn mà con người cùng một lúc chưa thể khám phá, chinh phục.
- Trong xã hội: Phạm vi biểu hiện của cái cao cả tất phong phú, đó là sự thể hiện sức mạnh vô tận, khả năng và ý chí phi thường của con người trong lĩnh vực chinh phục tự nhiên và đấu tranh xã hội.
- Trong nghệ thuật: Cái cao cả trong tự nhiên và xã hội đã đi vào nghệ thuật, có mặt trong tất cả các loại hình nghệ thuật. Đặc biệt là một đối tượng phản ánh quan trọng của văn học.

Cái bi

- Bản chất: Với tư cách là một phạm trù mĩ học, cái bi gắn liền với các xung đột có ý nghĩa xã hội giữa cái đẹp với cái xấu, cái tích cực với cái tiêu cực mà kết quả là sự thất bại, tiêu vong của nhân vật tích cực - những người đã đấu tranh đến cùng vì lí tưởng đẹp đẽ, vì khát vọng chân chính của con người, qua đó gợi lên các cảm xúc thẩm mĩ tích cực, khẳng định niềm tin của con người đối với các giá trị chân chính của cuộc sống, kích thích con người hướng về phía trước.

- Trong cuộc sống, cái bi nảy sinh trong quá trình con người chinh phục tự nhiên và đấu tranh xã hội. Được biểu hiện trong các hoàn cảnh cụ thể rất đa dạng, cũng như các biểu hiện phong phú, đa dạng của cuộc sống con người.

- Cái bi được thể hiện trong nghệ thuật với tính tập trung nhất, điển hình nhất. Có mặt trong hầu hết các loại hình nghệ thuật, đặc biệt là trong thể loại bi kịch.

Cái hài

- Bản chất: Là một phạm trù thẩm mĩ cơ bản dùng để nhận thức và đánh giá về một loại hiện thực đời sống, đó là những cái sấu nhưng lại cố sức chứng tỏ là đẹp. Khi mâu thuẫn này bị phát hiện đột ngột sẽ tạo nên tiếng cười tích cực, có ý nghĩa phê phán, phủ định cái xấu nhân danh cái đẹp. Tiếng cười trong cái hài là sự chiến thắng của cái đẹp đối với cái xấu.

- Trong cuộc sống, cái hài nảy sinh trong cuộc đối đầu giữa cái đẹp với cái xấu. Mỗi hình thái xã hội đã trở nên lỗi thời thường cố tình che đậy những cái xấu xa, lạc hậu, các dấu hiệu của sự diệt vong bằng hình thức bề ngoài cố tỏ ra dồi dào sức sống. Đó là mảnh đất màu mỡ cho cái hài nảy nở, sinh sôi.

- Cái hài trong nghệ thuật là sự phản ánh cái hài trong cuộc sống nhưng ở dạng tiêu biểu, tinh túy và ổn định hơn, có mặt trong hầu hết các loại hình nghệ thuật. Có ưu thế hơn hẳn về sức tác động mạnh mẽ với dư luận xã hội.

Quan hệ với cái đẹp

- Cái cao cả: Thống nhất nhưng không đồng nhất. Có quan hệ gần gũi với cái đẹp nhất. Được ví như “mức độ cao nhất của cái đẹp”. Cả 2 đều đem lại cảm xúc thẩm mĩ tích cực.
- Cái bi: Không có trong tự nhiên như cái đẹp mà chỉ tồn tại trong xã hội và nghệ thuật.
- Cái hài: Hoàn toàn đối lập với cái bi, chứa đựng mầm mống của cái chết, sự tiêu vong.

Chương V

Nghệ thuật

Khái niệm nghệ thuật

Trong mĩ học và lí luận văn học, từ "nghệ thuật" được dùng để chỉ một hoạt động sáng tạo mang tính đặc thù, với mục đích sáng tạo ra những cái đẹp làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ cho con người, ngoài ra còn có ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Khái niệm nghệ thuật

- Ý nghĩa đầu tiên và rộng nhất của từ này là để chỉ những hoạt động của con người đã đạt đến trình độ điêu luyện, khéo léo, tinh xảo.
- Ý nghĩa thứ hai hẹp hơn dùng để chỉ một loại hoạt động của con người nhằm sáng tạo ra những sản phẩm vừa có ý nghĩa thực dụng, vừa có khả năng làm đẹp cho đời, đem lại những khoái cảm thẩm mĩ cho con người.

Đối tượng của nghệ thuật

Là toàn bộ thế giới hiện thực có ý nghĩa với sự sống của con người, mang tư tưởng, tình cảm, khát vọng của con người.

Hình tượng nghệ thuật

Là phương tiện đặc thù của nghệ thuật nhằm phản ánh cuộc sống một cách sáng tạo, bằng những hình thức sinh động, cảm tính, cụ thể như bản thân đời sống, thông qua đó nhằm lí giải, khái quát về đời sống gắn liền với một ý nghĩa tư tưởng, cảm xúc nhất định, xuất phát từ lí tưởng thẩm mĩ của nghệ sĩ.

Đặc trưng

- Sự thống nhất của cái cụ thể, cá biệt, cảm tính với cái khái quát
- Sự thống nhất giữa hai mặt khách quan và chủ quan
- Sự thống nhất giữa lí trí và tình cảm

Nôi dung và hình thức trong nghệ thuật

Nội dung của nghệ thuật

- Nội dung đích thực của tác phẩm nghệ thuật là hiện thực cuộc sống được tái hiện, lí giải và đánh giá bằng hình tượng nghệ thuật dưới ánh sáng của một thế giới quan, một lí tưởng xã hội - thẩm mĩ nhất định nghệ sĩ.

Hình thức nghệ thuật của tác phẩm

- Hình thức bên ngoài mang tính vật chất, hình thức bên trong là một tổ chức cơ cấu phức tạp bao gồm nhiều yếu tố phụ thuộc, chi phối lẫn nhau và phụ thuộc vào nội dung tác phẩm.

Hình thức của tác phẩm nghệ thuật là một chỉnh thể thẩm mĩ tồn tại sinh động, cụ thể, không lặp lại, trong đó bao gồm nhiều yếu tố phụ thuộc và quy định lẫn nhau nhằm mục đích bộc lộ một nội dung cụ thể, xác định.

Quan hệ giữa nội dung và hình thức trong tác phẩm nghệ thuật là một quan hệ thống nhất biện chứng, trong đó chúng xuyên thấm và chuyển hóa lẫn nhau, hình thức là sự biểu hiện của nội dung. Hình thức dù chịu sự quy định, chi phối của nội dung nhưng cũng có tính độc lập tương đối so với nội dung

Chương VI

Các loại hình nghệ thuật

Cách chia

Theo đặc trưng

- Nhóm ứng dụng
- Nhóm tạo hình
- Nhóm biểu hiện
- Nhóm ngôn từ
- Nhóm tổng hợp

Theo hình thức

- Không gian
- Thời gian
- Kết hợp không gian và thời gian

Theo giác quan

- Thị giác
- Thính giác
- Kết hợp thị giác và thính giác

Phân chia theo đặc trưng

Nhóm ứng dụng

Vừa thuộc lĩnh vực sáng tạo tinh thần, vừa thuộc lĩnh vực sản xuất vật chất. Giá trị nghệ thuật và giá trị sử dụng, tính thẩm mĩ và tính công dụng thực tế được kết hợp với nhau rất chặt chẽ.

- Nhóm nghệ thuật trang trí - thực dụng: Có nghệ thuật trình bày các vật phẩm lao động, sinh hoạt, phổ biến là hình trang trí và hoa văn trang trí.
- Nghệ thuật kiến trúc: Vừa mang tính thực dụng vừa có chức năng thẩm mĩ, vừa nhằm đáp ứng nhu cầu ăn ở, điều kiện sinh hoạt của con người vừa thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp.

Nhóm tạo hình

Dựa trên đặc điểm trực tiếp hay gián tiếp bộc lộ thái độ của chủ thể sáng tạo thông qua những hình ảnh tái tọa hiện thực. Chủ yếu dùng các phương tiện tạo hình mà con người có thể nhìn thấy được như đường nét, màu sắc, mảng khối để tái tạo cuộc sống.

- Điêu khắc: Sử dụng mảng khối của các vật liệu có sẵn trong tự nhiên hoặc nhân tạo để xây dựng hình tượng.
- Hội họa: Phổ biến phản ánh hiện thực trên mặt phẳng với chất liệu màu sắc, hình khối, có khả năng tạo hình rất lớn.

Nhóm biểu hiện

Không nhằm tái tạo hiện thực mà bày tỏ tâm tư, khát vọng con người trước hiện thực, gợi cho con người những suy nghĩ về hiện thực.

- Âm nhạc: Lấy âm thanh làm phương tiện, chất liệu để biểu hiện sự rung động, cảm xúc, tâm trạng của con người.
- Múa: Hướng về hình thể, động tác của con người làm chất liệu thể hiện. Mang tính tượng trưng, ước lệ, cách điệu rất cao.

Nhóm ngôn từ

Chỉ tác động đến trí tuệ, tình cảm của người đọc, người xem qua những hình tượng phi vật thể. Bộc lộ mọi hạn chế và ưu thế của văn học trong hệ thống các bộ môn nghệ thuật.

Nhóm tổng hợp

Sử dụng khả năng và phương tiện của tất cả các bộ môn nghệ thuật còn lại. Là kết quả sáng tạo của tác giả, kịch bản, đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, người hóa trang, quay phim, ánh sáng.

- Điện ảnh có khả năng trình bày cuộc sống phong phú, nhiều mặt hơn sân khấu vì ít bị hạn chế về không gian và thời gian.

- Sân khấu có năng lực tập trung sự chú ý của người xem vào thế giới nội tâm của nhân vật, vào những biểu hiện tinh vi của tình cảm, tư tưởng.

Phân chia theo hình thức

Không gian

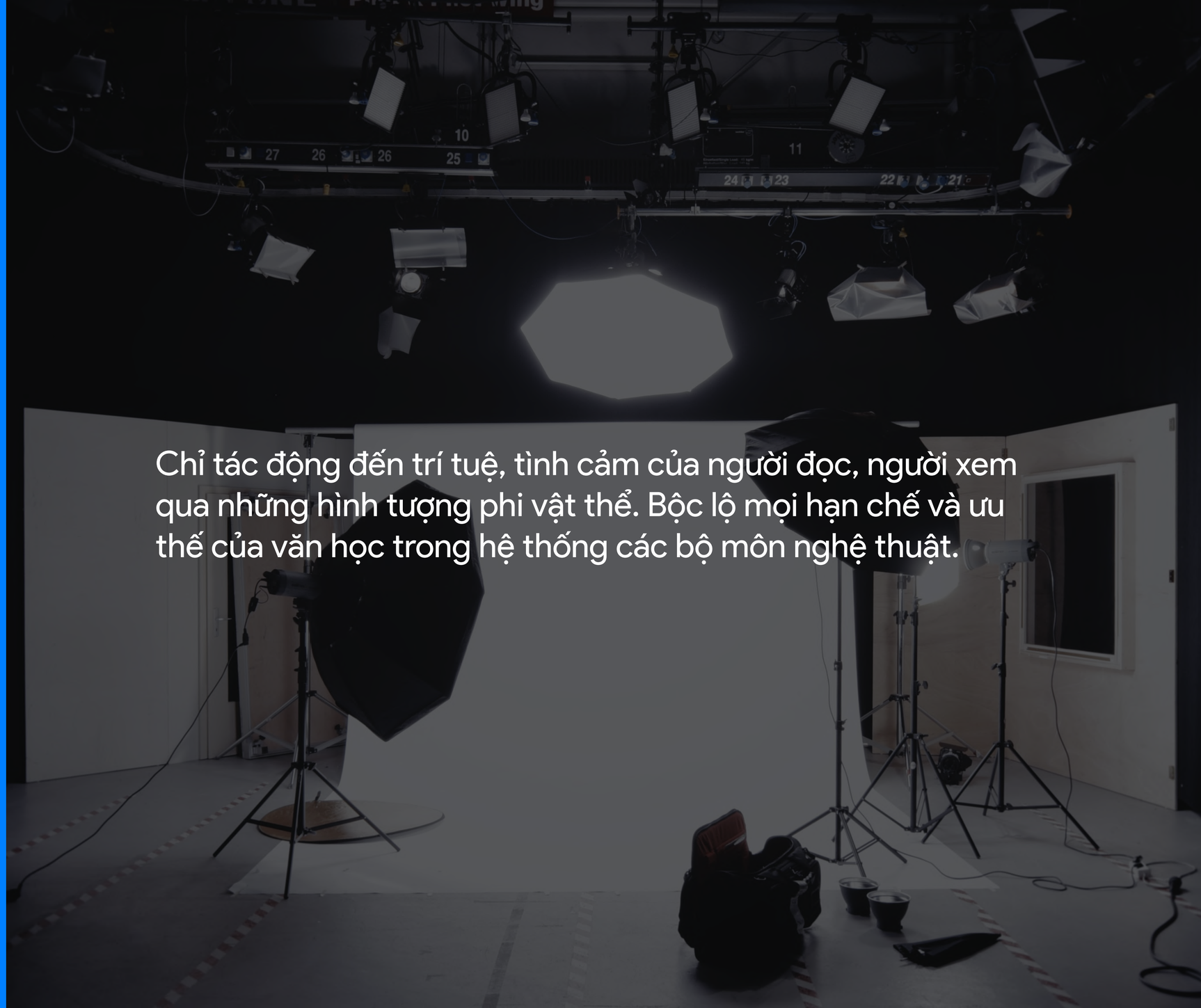

Chỉ tác động đến trí tuệ, tình cảm của người đọc, người xem qua những hình tượng phi vật thể. Bộc lộ mọi hạn chế và ưu thế của văn học trong hệ thống các bộ môn nghệ thuật.

Thời gian

Chỉ tác động đến trí tuệ, tình cảm của người đọc, người xem qua những hình tượng phi vật thể. Bộc lộ mọi hạn chế và ưu thế của văn học trong hệ thống các bộ môn nghệ thuật.

Phân chia theo giác quan

Thị giác

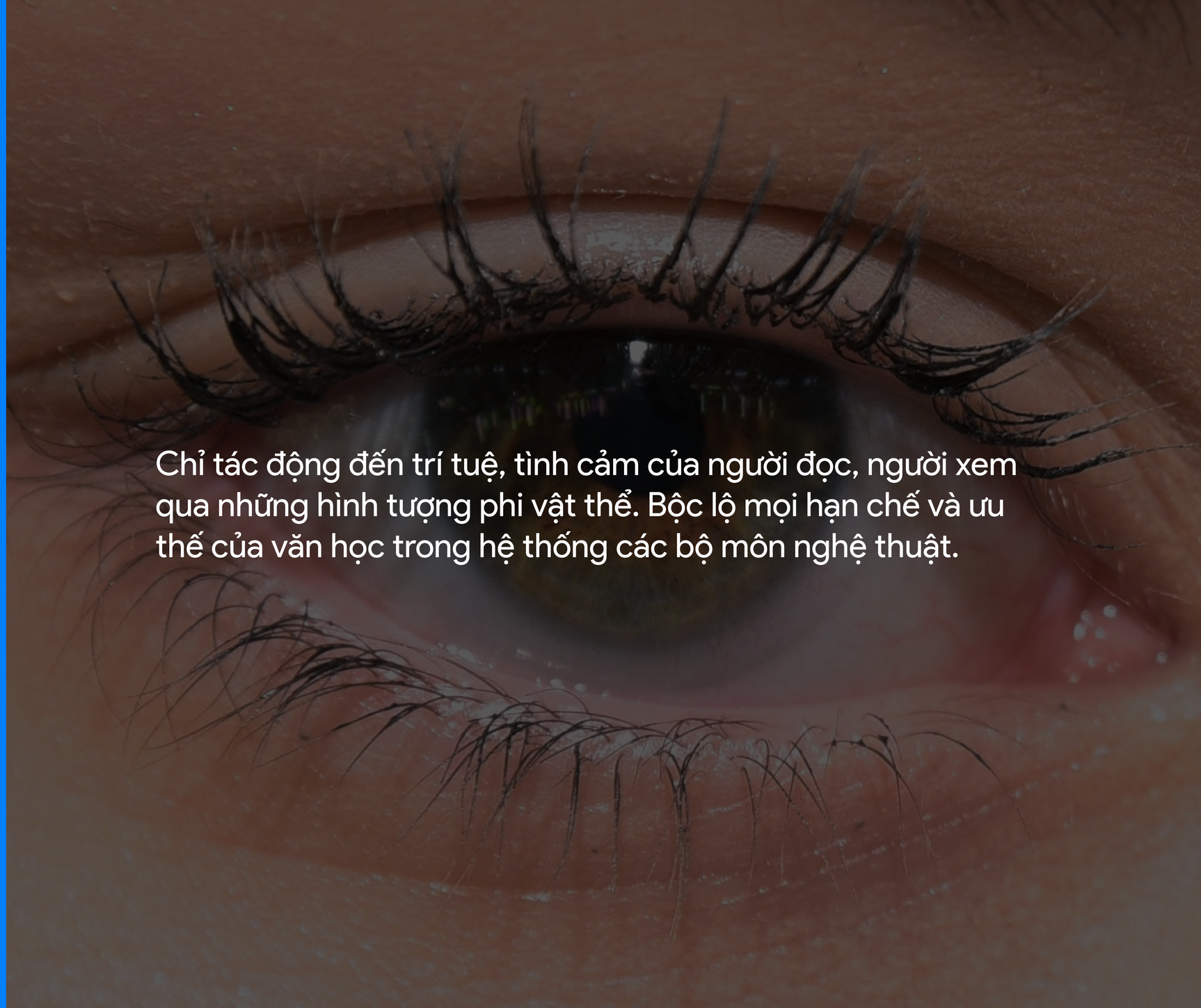

Chỉ tác động đến trí tuệ, tình cảm của người đọc, người xem qua những hình tượng phi vật thể. Bộc lộ mọi hạn chế và ưu thế của văn học trong hệ thống các bộ môn nghệ thuật.

Thính giác

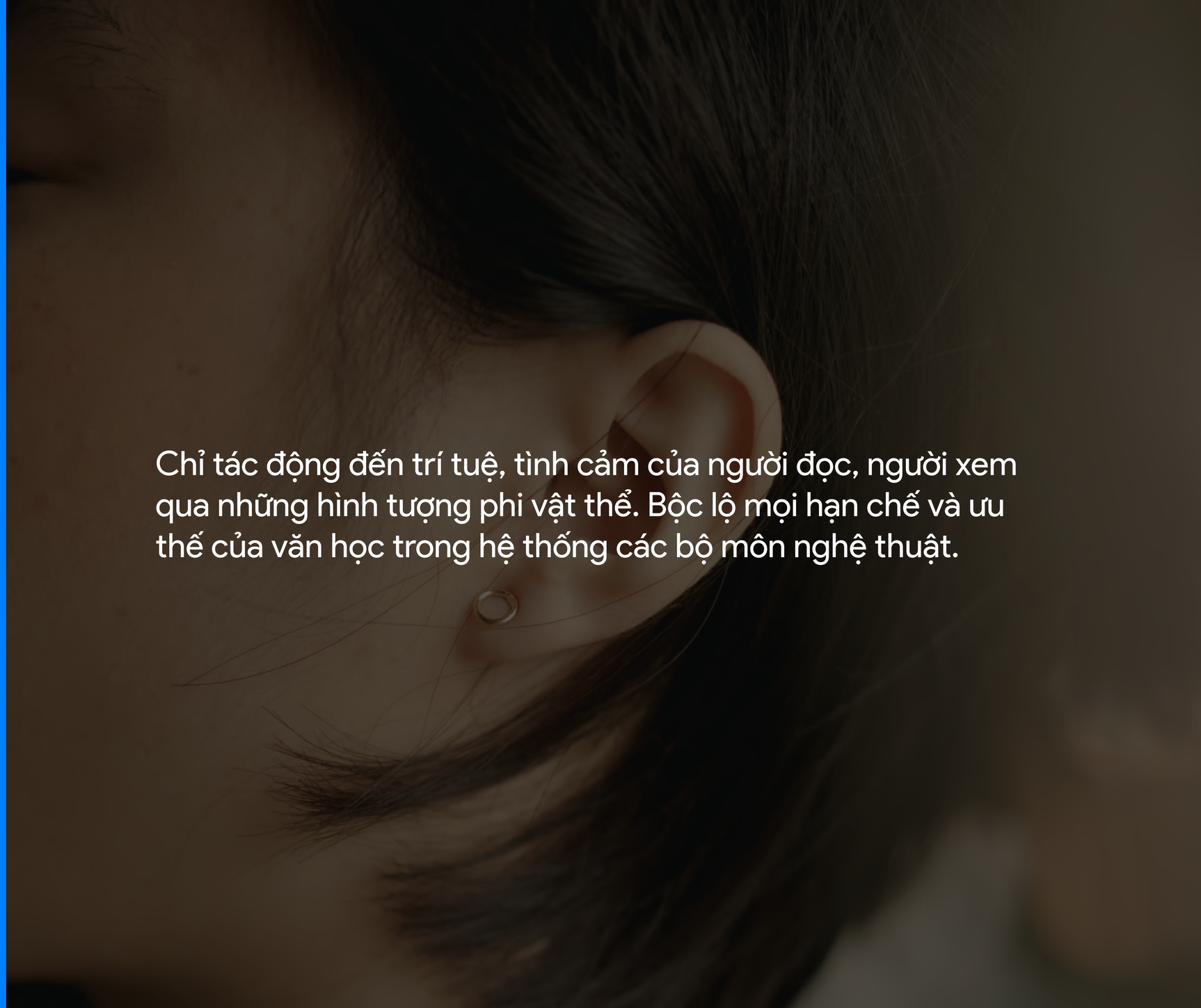

Chỉ tác động đến trí tuệ, tình cảm của người đọc, người xem qua những hình tượng phi vật thể. Bộc lộ mọi hạn chế và ưu thế của văn học trong hệ thống các bộ môn nghệ thuật.

Chương VII

Nghệ sĩ

Nghệ sĩ là gì?

Nghệ sĩ là những người có phẩm chất đặc biệt và có tài năng nghệ thuật.

Những biểu hiện của tư chất nghệ sĩ

- Năng lực tưởng tượng sáng tạo phong phú
- Một tâm hồn dễ xúc động và nhạy cảm
- Năng lực quan sát cuộc sống tinh tế
- Trí nhớ tốt
- Cá tính riêng

Con đường trau dồi tư chất nghệ sĩ

- Không ngừng tích lũy kiến thức về đời sống
- Nâng cao trình độ văn hóa chung
- Ra sức trau dồi vốn nghề nghiệp

Chương VIII

Giáo dục thẩm mĩ

Bản chất

Là một hệ thống các biện pháp, cách thức nhằm rèn luyện và hoàn thiện những năng lực thụ cảm, thấu hiểu và đánh giá đúng các hiện tượng thẩm mĩ trong cuộc sống và trong nghệ thuật, cũng như năng lực sáng tạo "theo những quy luật của cái đẹp".

Hình thức

- Giáo dục thẩm mĩ bằng lao động, thông qua lao động
- Giáo dục thẩm mĩ bằng những tấm gương sáng về đạo đức
- Giáo dục thẩm mĩ bằng nghệ thuật
- Giáo dục thẩm mĩ bằng hệ thống các quan điểm lí luận mĩ học tiến bộ, hiện đại

Thanks for reading